

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 311/2024/DS-PT

Ngày: 20 - 11 - 2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình.

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Bằng;

2. Bà Lưu Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2024/TLPT-DS ngày 07/10/2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2024/DS-ST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2024/QĐ-PT, ngày 04/11/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1955; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc B; địa chỉ: Hẻm C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 16/10/2024), có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà H G Êban, sinh năm: 1999; địa chỉ: Buôn E, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Đăng Miên T; địa chỉ: Đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2023), có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà H G Êban.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc B trình bày có nội dung như sau:*

Ngày 23/11/2022, bà Nguyễn Thị L và bà H G Êban xác lập hợp đồng cho vay tiền với nội dung: Bà L cho bà H G vay số tiền 440.000.000 đồng; thời hạn vay 01 tháng từ ngày 23/11/2022 đến ngày 23/12/2022, không tính lãi; mục đích vay là để sang nhượng mua, bán đất và nộp thuế làm sổ đỏ. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận nếu quá thời hạn nêu trên mà bà H G không trả tiền thì phải chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích chiều ngang 6m, chiều dài 61,15m để cản trừ nợ. Đến thời hạn trả nợ, bà L đã nhiều lần liên lạc gặp trực tiếp bà H G để yêu cầu trả tiền nợ, nhưng bà H G đã không thực hiện như cam kết.

Như vậy, bà H G Êban đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ theo thỏa thuận với bà L, vì vậy bà L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bà H G Êban có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ gốc là 440.000.000 đồng và số tiền lãi suất phát sinh với mức lãi suất là 01%/tháng, cụ thể thời gian tính lãi từ ngày vay, ngày 23/12/2022 đến ngày 23/11/2023 là $= 440.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 48.400.000 \text{ đồng}$; đồng thời buộc bà H G Êban có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền lãi phát sinh với mức 01%/tháng, kể từ ngày 24/11/2023 cho đến khi trả hết nợ gốc.

**/ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Trần Đặng Miên T trình bày có nội dung như sau:*

Khoảng tháng 11/2022, dì của bà H G Êban là bà H W Êban có tặng cho bà H G quyền sử dụng thửa đất số 317, tờ bản đồ số 11, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 010373. Do có mối quan hệ quen biết nên chồng bà H G có nhờ ông Đỗ Trung P đứng ra làm giấy tờ để sang tên quyền sử dụng đất nêu trên từ bà H W Êban sang cho bà H G Êban.

Sau khi sang tên xong, ông P giao sổ đỏ cho bà H G và yêu cầu bà H G trả cho ông P tiền làm sổ đỏ và tiền thuế sang tên là 440.000.000 đồng. Bà H G không biết tại sao tiền thuế sang tên quyền sử dụng đất lại nhiều như vậy, nên có yêu cầu ông P đưa biên lai đóng tiền thuế thì bà H G sẽ trả tiền. Tuy nhiên, ông P không đưa bất kỳ giấy tờ nào cho bà H G mà còn đe dọa bà H G nếu không đóng thuế sẽ sung công quỹ nhà nước sổ đất của bà H G. Do không hiểu biết và bị thúc ép, nên ngày 28/11/2022 dưới sự hướng dẫn của ông P, bà H G đã viết giấy mượn bà Nguyễn Thị L số tiền là 440.000.000 đồng trả tiền làm sổ đỏ, trong khi bà H G không biết bà L là ai và cũng không nhận bất cứ khoản tiền nào từ bà L.

Bà H G xác định bà không lập bất cứ hợp đồng vay tiền nào với bà L nhưng không hiểu vì sao lại có hợp đồng vay tiền mà bà L đã cung cấp cho Tòa án. Việc ông Đỗ Trung P nhận giấy tờ làm sổ đỏ và kê khai không số tiền thuế bà H G phải đóng là hành vi gian dối, lừa bà H G để lấy tiền, sau đó vì bà H G không có tiền để trả lại tự ý lập hợp đồng vay mượn với bà L để yêu cầu bà H G nhận nợ với bà L là việc làm hoàn toàn sai trái, bà L không biết bà H G là ai và không giao bất kỳ khoản tiền nào cho bà H G nhưng lại khởi kiện yêu cầu bà H G trả tiền, là không đúng. Việc ông P và bà L thông đồng lừa bà H G để lấy số tiền làm sổ đỏ không có căn cứ, là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và bà H G sẽ trình báo sự việc trên đến cơ quan điều tra yêu cầu xử lý.

**/ Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng là ông Đỗ Trung P trình bày có nội dung như sau:*

Ông Đỗ Trung P là con trai của bà Nguyễn Thị L. Vào khoảng cuối năm 2022, bà H G Êban có nhận chuyển nhượng đất của bà H W Êban nhưng không có tiền trả khoản tiền mua đất và tiền làm giấy tờ sang tên quyền sử dụng đất, nên bà H G có hỏi vay tiền của ông P. Tuy nhiên, ông P không có tiền cho vay nên bà H G đã hỏi và vay tiền của bà Nguyễn Thị L, thời hạn vay là 01 tháng và không tính tiền lãi. Sau khi được bà L cho vay tiền thì bà H G tự viết hợp đồng vay tiền, cam kết sẽ trả nợ đúng hạn và hứa nếu không trả được tiền nợ thì sẽ cắt đất cho bà L để cầm trả nợ. Việc bà H G vay tiền và ký kết hợp đồng vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên việc bà H G cho rằng bà không biết bà L là ai và không vay cũng như không ký hợp đồng vay tiền của bà L là hoàn toàn sai và cố ý muốn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Ngoài hợp đồng vay tiền, bà H G còn cung cấp các Giấy cam kết với bà H W Êban trong đó có thể hiện nội dung do bà H G mua đất nhưng không có tiền nên phải đi mượn tiền để trả cho bà H W.

Ông P xác định ông không phải là người đi làm giấy tờ chuyển nhượng đất cho bà H G cũng như không lấy tiền của bà H G để đi làm bìa đỏ hộ. Do đó, việc bà H G cho rằng ông là người nhận làm bìa đỏ cho bà H G và kê không số tiền thuế để hưởng lợi là không có căn cứ.

**/ Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng là bà H W Êban trình bày có nội dung như sau:*

Bà H W Êban là di ruột của bà H G Êban. Do không có con và nuôi cháu H G từ nhỏ, nên vào năm 2022 bà H W đã tặng cho H G diện tích đất là 2.554m², thửa đất số 317, tờ bản đồ số 11, tại thị trấn E, huyện C, vì cháu rể là Châu V (chồng bà H G) có quen biết với ông Đỗ Trung P nên ông P có nhận đứng ra làm giúp giấy tờ về đất. Sau đó gia đình bà H W đưa giấy sang tên đất cho ông P để làm giúp, ông P đã làm xong thủ tục sang tên và đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H G. Khi đưa lại giấy tờ đất cho H G thì ông P nói số tiền làm thủ tục sang tên là 440.000.000 đồng và ông P cho thời hạn 01 tháng để trả tiền, nếu không trả được thì ông P sẽ cắt đất để cầm trả số tiền này, còn thực tế bà H G không vay tiền của ông P.

**/ Người làm chứng ông Châu V trình bày:*

Ông Châu V là chồng của bà H G, việc sang nhượng đất giữa bà H W cho bà H G, thì do ông có quen biết với ông Đỗ Trung P nên đã giao giấy tờ cho ông P làm hộ và ông P có nói chi phí không đáng bao nhiêu, do vợ chồng ông nghèo và mẹ ông P thấy thương nên làm hộ miễn phí, chỉ tốn tiền đóng thuế cho Nhà nước. Khi làm xong thì ông P báo hết số tiền là 440.000.000 đồng và nói trong vòng 01 tháng phải trả, nếu không trả sẽ cắt 06m đất để trừ số tiền 440.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2024/DS-ST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà H G Êban phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 507.144.000 đồng (trong đó: Nợ gốc là 440.000.000 đồng, nợ lãi là 67.144.000 đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/7/2024 bị đơn bà H G Êban có đơn kháng cáo, với nội dung: Bản án sơ thẩm xét xử không đúng pháp luật và không khách quan, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H G Êban, vì bà H G Êban không nhận bất cứ khoản tiền nào của bà Nguyễn Thị L; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà H G Êban vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến, với nội dung: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá về yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của các đương sự và khẳng định quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với pháp luật, nên yêu cầu kháng cáo bị đơn bà H G Êban là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận của kháng cáo bị đơn bà H G Êban; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà H G Êban, xét thấy:

[1.1] Theo nội dung “Hợp đồng cho vay tiền” đề năm 2022 (không ghi ngày tháng) thể hiện nội dung: Bà Nguyễn Thị L cho bà H G Êban vay số tiền 440.000.000 đồng, thời hạn vay trong vòng 01 tháng, kể từ ngày 23/11/2022 đến ngày 23/12/2022 và không lấy lãi, mục đích cho vay tiền là để sang nhượng mua bán đất và nộp thuế làm sổ đỏ. Mặc dù phần thời gian vay tại Hợp đồng vay tiền chỉ ghi năm vay (2022) và không thể hiện ngày tháng vay, nhưng phần nội dung của hợp đồng vay tiền có thể hiện thời hạn vay là kể từ ngày 23/11/2022, nên có đủ căn cứ xác định ngày vay tiền là ngày 23/11/2022.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận bà H G Êban là người viết giấy vay bà L số tiền 440.000.000 đồng, chữ viết

và chữ ký mang tên H G Êban ở mục “Đại diện bên B” (bên vay) tại hợp đồng vay tiền là của bà H G Êban. Lý do bà H G Êban viết và ký giấy là do bị ông Đỗ Trung P đe dọa, ép buộc, vì bà H G có nhờ ông P làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất nên ông P yêu cầu trả tiền công làm sổ đỏ và tiền thuế sang tên quyền sử dụng đất, chứ hoàn toàn không có việc vay tiền của bà L. Tuy nhiên, ông Đỗ Trung P và nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không thừa nhận nội dung này và bị đơn cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Đối với những người làm chứng là bà H W Êban và ông Châu V, là những người có quan hệ gia đình với bị đơn bà H G Êban, nên nội dung trình bày của những người này là không khách quan, nên không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[1.2] Về tiền lãi suất: Tại Hợp đồng cho vay tiền, các bên không thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên đến thời hạn trả tiền (ngày 23/12/2022) bị đơn không trả được tiền vay gốc theo như cam kết. Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, mức lãi suất là 10%/năm và thời gian tính lãi từ ngày quá hạn trả nợ (ngày 24/12/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/7/2024), là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật; cụ thể tiền lãi là: $(440.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm) \times 01 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 67.144.000 \text{ đồng}$.

[1.3] Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định vào ngày 23/11/2022, bà H G Êban có vay của bà Nguyễn Thị L số tiền là 440.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 23/12/2022. Tuy đến hạn trả nợ, mặc dù bà L đã đòi nhiều lần nhưng bà H G Êban không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ theo như cam kết. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị L và buộc bà H G Êban phải trả cho bà L số tiền nợ gốc 440.000.000 đồng và tiền lãi suất từ ngày quá hạn (ngày 24/12/2022) đến ngày xét xử sơ thẩm, với số tiền 67.144.000 đồng, là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn bà H G Êban là không có căn cứ chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là đúng đắn.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị đơn bà H G Êban phải 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà H G Êban; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2024/DS-ST ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: Các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

1. Buộc bà H G Êban phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền là 507.144.000 đồng (năm trăm lẻ bảy triệu một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc là 440.000.000 đồng và tiền lãi là 67.144.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà H G Êban phải chịu 24.285.760 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà H G Êban phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà H G Êban đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0007788 ngày 22/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vu 2)
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Bình